

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024.37100299 Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 67 ngõ 12 phố Đào Tấn, phường Công Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37100299

Loại thông tin công bố: Bất thường

Nội dung thông tin công bố: Điều lệ Quỹ sửa đổi lần 2 năm 2023 của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Tân Việt (TVPF).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 10/11/2023 tại đường dẫn <https://ntpam.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên) *NT*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Hiếu

ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU
TRIỂN VỌNG NTP (NTPPF)

Tháng 11 năm 2023



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	7
CHƯƠNG I	11
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	11
ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	11
ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	11
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ	11
ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN	12
ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ	12
ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	12
ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	12
CHƯƠNG II	13
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	13
ĐIỀU 8. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	13
ĐIỀU 9. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	13
ĐIỀU 10. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	14
ĐIỀU 11. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI, GIAO DỊCH KÝ QUỸ	16
ĐIỀU 12. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ	16
ĐIỀU 13. NHÀ ĐẦU TƯ	17
ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	17
ĐIỀU 15. SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ	19
ĐIỀU 16. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	20
ĐIỀU 17. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	22
ĐIỀU 18. GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI ĐƠN VỊ QUỸ	24
ĐIỀU 19. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ	24
ĐIỀU 20. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ	24
ĐIỀU 21. GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THUA LỖ CỦA QUỸ	24
CHƯƠNG IV	25
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	25

100% 9.00.00.00.00.00

[Handwritten signature]

ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	25
ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	26
ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN	26
ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	29
ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	29
CHƯƠNG V.....	30
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	30
ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	30
ĐIỀU 28. NHIỆM KỶ, TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	31
ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	32
ĐIỀU 30. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	32
ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	33
ĐIỀU 32. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	33
ĐIỀU 33. BẦU, ĐÌNH CHỈ, BÃI MIỄN VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	33
ĐIỀU 34. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	34
CHƯƠNG VI.....	35
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	35
ĐIỀU 35. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	35
ĐIỀU 36. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	35
ĐIỀU 37. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	39
ĐIỀU 38. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	40
CHƯƠNG VII	42
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	42
ĐIỀU 39. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	42
ĐIỀU 40. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	42
ĐIỀU 41. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	43
ĐIỀU 42. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	45
CHƯƠNG VIII	45
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	45
ĐIỀU 43. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	45
ĐIỀU 44. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	46

ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	46
ĐIỀU 46. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN.....	47
ĐIỀU 47. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN	48
CHƯƠNG IX.....	49
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	49
ĐIỀU 48. ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	49
ĐIỀU 49. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH	49
ĐIỀU 50. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	51
CHƯƠNG X.....	52
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	52
ĐIỀU 51. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN	52
ĐIỀU 52. NĂM TÀI CHÍNH.....	52
ĐIỀU 53. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	52
ĐIỀU 54. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	52
ĐIỀU 55. BÁO CÁO KHÁC	53
CHƯƠNG XI.....	53
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	53
ĐIỀU 56. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG	53
ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ.....	54
ĐIỀU 58. NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	54
ĐIỀU 59. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ.....	55
CHƯƠNG XII	56
GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ.....	56
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	56
ĐIỀU 60. THU NHẬP CỦA QUỸ.....	56
ĐIỀU 61. GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ, GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	56
ĐIỀU 62: PHÂN CHIA LỢI TỨC CỦA QUỸ	58
CHƯƠNG XIII.....	59
TÁI CƠ CẤU VÀ GIẢI THỂ QUỸ	59

ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP.....	59
ĐIỀU 64. CÁC ĐIỀU KIỆN CHIA, TÁCH QUỸ	59
ĐIỀU 65. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ.....	60
CHƯƠNG XIV.....	60
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	60
ĐIỀU 66. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	60
CHƯƠNG XV	61
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	61
ĐIỀU 67. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ.....	61
ĐIỀU 68. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	61
ĐIỀU 69. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ.....	61
ĐIỀU 70. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	62
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	63
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	65
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	66
PHỤ LỤC 4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	67

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
5. Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
6. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
8. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 01 năm 2016;
9. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
10. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
11. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
13. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
14. Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
15. Các văn bản pháp luật có liên quan (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Tại Điều lệ này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- “Quỹ” hay “Quỹ NTPPF”** Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP, thực hiện chào bán ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- “Công ty Quản lý Quỹ” hay “NTP AM”** Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (NTP AM), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/10/2023. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Ngân hàng giám sát”** Là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/09/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Lưu ký Chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Công ty Kiểm toán”** Là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
- “Điều lệ Quỹ”** Là Điều lệ Quỹ NTPPF, bao gồm Điều lệ, các Phụ lục đính

kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ dự thảo và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

“Bản cáo bạch”

Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ của Quỹ.

“Hợp đồng giám sát”

Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.

“Đại hội nhà đầu tư”

Là Đại hội của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Ban đại diện Quỹ”

Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật Việt Nam.

“Vốn Điều lệ Quỹ”

Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả các Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

**“Chứng chỉ Quỹ đầu tư” hay
“Chứng chỉ Quỹ”**

Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá của 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.

“Giá phát hành”

Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị Quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

“Giá mua lại”

Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo

	bạch.
“Giá dịch vụ quản lý Quỹ”	Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư và được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối.
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị bán thực hiện được và được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Lợi tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo
“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ phát hành

Quỹ” hay “Ngày giao dịch”	và mua lại Chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“Đại lý chuyển nhượng”	Là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ. Phạm vi hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Đại lý chuyển nhượng được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ.
“Đại lý ký danh”	Là đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sổ phụ.
“Điểm nhận lệnh”	Là trụ sở chính của Đại lý phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại lý phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà đầu tư.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị Quỹ. Mỗi đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Sổ đăng ký Nhà đầu tư”	Là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
“Ủy ban Chứng khoán Nhà nước” hay “UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.

“VNX”	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
“HSX”	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“HNX”	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TRIỂN VỌNG NTP
Tên viết tắt	NTPPF
Tên Tiếng Anh	NTP Equity Prospect Open – Ended Fund
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Địa chỉ liên hệ	Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	024 37100299
Website	http://www.ntpam.com.vn

ĐIỀU 2. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi bị chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Quỹ không bị giới hạn thời hạn hoạt động.

ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ

1. Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP được tổ chức dưới hình thức quỹ mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định trong Điều lệ này.
2. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định pháp luật.

5. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ.
6. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ.

ĐIỀU 4. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 58.042.439.200 đồng (*Năm mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm đồng*).
2. Số vốn này được chia thành 5.804.243,92 (*Năm triệu, tám trăm linh bốn nghìn, hai trăm bốn mươi ba phẩy chín mươi hai*) Đơn vị Quỹ.
3. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 đồng.
4. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
5. Số lượng Đơn vị Quỹ được phép lưu hành tối đa là không giới hạn, trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.
6. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn vị Quỹ huy động tối đa phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

ĐIỀU 5. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

ĐIỀU 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
Tên viết tắt	NTP AM
Giấy phép thành lập và hoạt động số	54/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/10/2023.
Trụ sở chính	Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	024 37100299
Website	https://ntpam.com.vn

ĐIỀU 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Tên viết tắt: Vietcombank

Giấy phép thành lập số: 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/09/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3934 3137

Fax: 024 3826 5548

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 8. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và thu nhập gia tăng bền vững cho các Nhà đầu tư trên cơ sở phân tích, đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt kết hợp với phân bổ danh mục hợp lý và chủ động tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với UBCKNN.

ĐIỀU 9. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

9.1. Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để mang lại lợi nhuận ổn định và bền vững, với phong cách định hướng giá trị, tập trung vào các cổ phiếu chất lượng cao của các công ty có quản trị công ty tốt, mô hình kinh doanh mạnh, có vị thế hàng đầu trong ngành, tình hình tài chính tốt, lâu dài, có triển vọng tăng trưởng dài hạn và được định giá hấp dẫn

9.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư : Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

9.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

9.4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 9.3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

9.5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 9.3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.
- b) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

ĐIỀU 10. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

10.1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ này;
- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm Công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định hiện hành;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và g khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;

- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ;
 - i) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
- 10.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 10.1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân như sau:**
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.3.** Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 10.2 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 10.1 Điều này.
- 10.4.** Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 10.5.** Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông

báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

- 10.6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
 - Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, việc điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 11. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI, GIAO DỊCH KÝ QUỸ

- Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

ĐIỀU 12. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ

- Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để sàng lọc và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Dựa trên các nghiên cứu và phân tích kinh tế vĩ mô, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư và điều kiện thị trường tại từng thời điểm. Đối với mọi khoản đầu tư, Quỹ sẽ sàng lọc và đầu tư vào các chứng khoán đang có mức định giá thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản của chúng. Đồng thời, Quỹ cũng phải xác định các rủi ro tiềm tàng ở cấp độ danh mục đầu tư và phát triển các kỹ thuật để quản lý các rủi ro này. Với phương pháp này, Quỹ sẽ xây dựng danh mục đầu tư bao gồm

các tài sản có chất lượng cao để tăng giá trị của Quỹ thông qua chiến lược đầu tư chủ động.

12.2. Chi tiết về các phương pháp lựa chọn đầu tư được cung cấp trong Bản cáo bạch.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 13. NHÀ ĐẦU TƯ

- 13.1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 13.2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.
- 13.3. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có thể mua Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

14.1. Nhà đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
- d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư; quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- e) Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- g) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

- h) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
- i) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

14.2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- c) Cung cấp đầy đủ các thông tin của Nhà đầu tư theo quy định;
- d) Tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

14.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- b) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

- 14.4. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
- 14.5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 14.3, 14.4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 14.3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ

- 15.1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho Đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền Đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- 15.2. Sổ chính, sổ phụ (nếu có) phải có các thông tin sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - Danh sách Nhà đầu tư:
 - Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

- d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
- f) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.

15.3. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý chuyên nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Nếu có thay đổi thông tin Nhà đầu tư trong sổ đăng ký Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thông báo kịp thời thông tin mới bằng văn bản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan để cập nhật vào sổ đăng ký Nhà đầu tư. Việc thay đổi thông tin của Nhà đầu tư chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan nhận được thông báo thay đổi thông tin mới này. Trong mọi trường hợp, Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào từ việc không nhận được thông báo thay đổi thông tin của Nhà đầu tư.

15.4. Sổ đăng ký Nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng và Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 16. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

16.1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt nhưng không ít hơn hai (02) lần một (01) tháng.

16.2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

- a) Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày, vào các ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu (“Ngày giao dịch”).
- b) Trong trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó, trừ khi Công ty Quản lý Quỹ có thông báo khác. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- c) Việc giảm tần suất giao dịch, thời điểm giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo

bach, thông báo cho Ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất. Việc giám tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

- 16.3. Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải mở Tài khoản Nhà đầu tư tại Đại lý phân phối, theo một trong hai dạng sau: (i) tài khoản của Nhà đầu tư (đứng tên Nhà đầu tư) hoặc (ii) tài khoản của Nhà đầu tư (tài khoản giao dịch trên tài khoản ký danh đứng tên của Đại lý ký danh).
- 16.4. Trước khi mở Tài khoản Nhà đầu tư, Đại lý phân phối phải tổng hợp, thẩm định thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người hưởng lợi (nếu có) và thông tin phòng chống rửa tiền theo mẫu mà pháp luật quy định. Khi đó, Đại lý phân phối có thể quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp Nhà đầu tư để yêu cầu cung cấp thông tin.
- 16.5. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- 16.6. Việc thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ trực tuyến phải đảm bảo phù hợp các quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.
- 16.7. Lệnh mua được gửi tới Đại lý phân phối kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát. Lệnh mua được chấp nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại lý chuyển nhượng chấp nhận và Nhà đầu tư đã thực hiện chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Chi tiết về lệnh mua được quy định tại Bản cáo bạch.
- 16.8. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn vị Quỹ đăng ký bán được Đại lý chuyển nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ. Chi tiết về lệnh bán được quy định tại Bản cáo bạch.
- 16.9. Lệnh chuyển đổi là lệnh của Nhà đầu tư yêu cầu bán Đơn vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn vị Quỹ của Quỹ khác cùng do Công ty Quản lý Quỹ quản lý trong trường hợp các Quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi Quỹ. Lệnh chuyển đổi và Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi được thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch và các quy định pháp luật có liên quan. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Lệnh bán đổi với Đơn vị Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện Lệnh mua của Đơn vị Quỹ mục tiêu;
 - b) Nhà Đầu Tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở khi Công ty Quản lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng
 - c) Các Lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ của các Quỹ tương ứng;

- d) Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi, phí chuyển tiền, và thuế (nếu phát sinh) theo quy định mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này.
- 16.10. Các lệnh giao dịch được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Lệnh giao dịch nhận được trước Thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào Ngày giao dịch. Các Lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- 16.11. Thời điểm đóng sổ lệnh
- Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Thời điểm đóng sổ lệnh: 14h30 của ngày T-1.
- 16.12. Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư được hưởng lợi.
- 16.13. Tiền bán Chứng chỉ Quỹ được Quỹ chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư đăng ký chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị. Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng chỉ Quỹ này. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng.
- 16.14. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán, giá dịch vụ của giao dịch và các quy định liên quan đến chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

ĐIỀU 17. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

- 17.1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư cho đến khi Giá trị tài sản ròng của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.

- c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 17.2. Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 17.1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ, Nhà đầu tư có nhu cầu thực hiện lệnh giao dịch phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo. Chi tiết việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 17.1 Điều này được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.
- 17.3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 17.1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do UBCKNN xét thấy là cần thiết.
 - d) Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 17.5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ tối đa là chín mươi (90) ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 17.5 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.7. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

ĐIỀU 18. GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI ĐƠN VỊ QUỸ

- 18.1. Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một Đơn vị Quỹ bằng mệnh giá của Đơn vị Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- 18.2. Giá phát hành một Đơn vị Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- 18.3. Giá mua lại một Đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).

ĐIỀU 19. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ

- 19.1. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể sẽ được Công ty Quản lý Quỹ công bố tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối (nếu có) hoặc dưới các hình thức khác. Giá dịch vụ phát hành không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- 19.2. Các khoản giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối. Phân thanh toán cho Đại lý phân phối sẽ được tính trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

ĐIỀU 20. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ

- 20.1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 20.2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

ĐIỀU 21. GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THUA LỖ CỦA QUỸ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà đầu tư có thể thực hiện bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 22.1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- 22.2. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác trên cơ sở nghị quyết của Ban đại diện Quỹ.
- 22.3. Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
- a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 14.3 Điều 14 Điều lệ này;
- 22.4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 22.3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
- 22.5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4 và 23.5 Điều 23 Điều lệ này, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp cho các Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường.
- 22.6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 22.4 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 22.4 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 23.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
- 23.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- 23.3. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; Thay đổi Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
- 23.4. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
- 23.5. Giải thể Quỹ;
- 23.6. Phương án phân phối lợi tức;
- 23.7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
- 23.8. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- 23.9. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- 23.10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

- 24.1. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được xây dựng theo quy định sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư;
 - b) Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định pháp luật. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Công ty Quản lý Quỹ phải chấp nhận và đưa kiến nghị nêu trên vào chương trình và nội dung cuộc họp được dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 24.2 Điều này. Kiến nghị đó được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận trong phiên khai mạc.
 - c) Công ty Quản lý Quỹ có thể từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 24.1 Điều này theo quy định sau:

- (i) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được từ chối nếu có một trong các lý do sau đây: (1) kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản 24.1 Điều này; hoặc (2) vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - (ii) Công ty Quản lý Quỹ phải trả lời bằng văn bản (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư kiến nghị chậm nhất là hai (02) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư.
- d) Chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải:
- (i) gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
 - (ii) công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- 24.2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 24.3. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 24.4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 24.3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Nhà đầu tư tham dự.
- 24.5. Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư:
- a) Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách thông qua lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - b) Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban đại diện Quỹ đứng ra chủ trì.

24.6. Tất cả các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

24.7. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản :

- a) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu/thư lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu/thư lấy ý kiến được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Nhà đầu tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư.
- b) Phiếu/thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
 - Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty Quản lý Quỹ;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư là tổ chức và đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ;
- c) Ý kiến đã trả lời gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu/thư lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu/thư lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu/thư không tham gia biểu quyết.
- d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty Quản lý Quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua.

- e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ;
- g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.

ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 25.1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết trừ trường hợp có sở hữu Đơn vị Quỹ.
- 25.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 25.3 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 25.3. Đối với các nội dung quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4, 23.5 Điều 23 Điều lệ này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 25.4. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
- 25.5. Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.
- 25.6. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 25.4 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

- 26.1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 23.2, 23.3, 23.4, 23.5 Điều 23 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ

tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- 26.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ, nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 27.1. Ban đại diện Quỹ đại diện cho Nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ là thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- 27.2. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:
- Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
 - Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật.
- 27.3. Trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 27.1, khoản 27.2 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 27.2 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

27.4. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác (nếu có liên quan);
- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
- c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 28. NHIỆM KỲ, TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

28.1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

28.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư.

28.3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:

- a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
- b) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

28.4. Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nếu

trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được bầu theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 29.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
- 29.2. Phê duyệt Sổ tay định giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 9.3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
- 29.3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
- 29.4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 29.5. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 23.2, 23.3, 23.4, 23.5, 23.6, 23.7, 23.8, 23.9 Điều 23 Điều lệ này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin quyết định của Ban đại diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- 29.6. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- 29.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 30. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 30.1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ Quỹ;
- 30.2. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Quỹ;
- 30.3. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Nhà đầu tư và của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;

- 30.4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- 30.5. Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 31.1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 31.2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 32. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 32.1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- 32.2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

ĐIỀU 33. BẦU, ĐÌNH CHỈ, BÃI MIỄN VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 33.1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
- Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc quyết định của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
 - Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức.
- 33.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
- Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;

- b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
- c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quỹ khi có quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
- f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

33.3. Việc bổ nhiệm, đình chỉ, bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

ĐIỀU 34. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

- 34.1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 34.2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo cho các thành viên trước mỗi cuộc họp. Trong một số trường hợp đặc biệt, các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ có thể được triệu tập bởi Công ty Quản lý Quỹ vào bất kỳ thời điểm nào. Thông báo mời họp của các cuộc họp đặc biệt này sẽ được gửi trực tiếp, gửi thư hoặc dịch vụ chuyển phát hoặc gửi thư điện tử hoặc bất kỳ phương tiện điện tử nào khác đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ một cách kịp thời và hợp lý.
- 34.3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên).
- 34.4. Nghị quyết, quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác mà Ban đại diện cho là phù hợp. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- 34.5. Nghị quyết, quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
- 34.6. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật.

Handwritten signature

CHƯƠNG VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 35. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 35.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
- 35.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
- 35.3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
- 35.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 36. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

36.1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.
- b) Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.
- c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng uỷ thác đầu tư;
 - Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát;
 - Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết, Công ty Quản lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;
 - Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
 - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Những người điều hành Quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- d) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- Thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
 - Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ Đăng ký nhà đầu tư. Nội dung sổ Đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ.
 - Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
- e) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về tổ chức lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.

- f) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- g) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.
- h) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý Quỹ hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- i) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét là cần thiết hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm h khoản này.
- j) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng, nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.
- k) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan.
- l) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - Giá trị giao dịch trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

- Quy định này không áp dụng trong trường hợp Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đến hết năm mà Quỹ được thành lập.
- m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- n) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối phải tuân thủ quy định Pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
- o) Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
- p) Lưu trữ và yêu cầu các đại lý phân phối lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

36.2. Quyền Công ty Quản lý Quỹ

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ này;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

an

- h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

ĐIỀU 37. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

37.1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư Quỹ;
- c) Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
- d) Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
- e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

37.2. Trong trường hợp quy định tại khoản 37.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

37.3. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c hoặc d khoản 37.1 Điều này.

37.4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 37.1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản chi phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Tiền bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
2,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động



NAV được sử dụng để tính tiền bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Khoản tiền bồi thường này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội nhà đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và được UBCKNN chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khoản tiền nêu trên.

ĐIỀU 38. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- 38.1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát của Quỹ, Ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Kiểm soát viên, Ban điều hành, nhân viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát và ngược lại.
- 38.2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được phép mua hoặc bán Đơn vị Quỹ bằng với Giá phát hành hoặc Giá mua lại, trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b, khoản 38.5 Điều này.
- 38.3. Tất cả giao dịch chứng khoán do thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo cho bộ phận Kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận Kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
- 38.4. Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban điều hành, nhân viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
- 38.5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
 - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ

chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

- c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ;
- d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

- 38.6. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

ĐIỀU 39. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát được chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 39.1. Ngân hàng giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.
- 39.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ.
- 39.3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.
- 39.4. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch tài sản của Quỹ.
- 39.5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
- 39.6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 40. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

40.1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát.

- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát;
- m) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí, giá dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

40.2. Quyền của Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được quyền nhận các loại giá dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Được quyền tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

ĐIỀU 41. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- 41.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
 - a) Phối hợp với Công ty quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định Giá trị tài sản ròng Quỹ; kiểm tra, bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

- b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ;
 - e) Công ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản lý Quỹ, chuyển khoản tiền gửi tới ngân hàng đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng đó;
 - f) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ;
 - g) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.
- 41.2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
- 41.3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- 41.4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.

- 41.5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế của Quỹ trong thời gian quy định, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.
- 41.6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 42. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- 42.1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;
 - Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 42.2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

ĐIỀU 43. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Công ty Quản lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

DN

Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
- Hoạt động đại lý chuyên nhượng;
- Các hoạt động khác (khi phát sinh).

ĐIỀU 44. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

- 44.1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.
- 44.2. Tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
- 44.3. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
- 44.4. Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo quy định pháp luật. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

- 45.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền
- 45.2. Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
- 45.3. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:
 - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
 - b) Đối với dịch vụ đại lý chuyên nhượng:

- Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

45.4. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm bảo sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

- 45.5. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ.
- 45.6. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

ĐIỀU 46. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN

- 46.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
- 46.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
- 46.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm

Bien

- chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
- 46.4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
- 46.5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- 46.6. Xây dựng quy trình, hệ thống, bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- 46.7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;
- 46.8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- 46.9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho tổ chức nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

ĐIỀU 47. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- 47.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
- 47.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty Quản lý Quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

ĐIỀU 48. ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ, ĐẠI LÝ KÝ DANH

- 48.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ.
- 48.2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:
- Làm đại lý ký danh;
 - Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

ĐIỀU 49. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

49.1. Hoạt động của Đại lý phân phối bao gồm:

- Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sở đăng ký nhà đầu tư, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
- Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ.
- Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;

- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

49.2. Hoạt động của đại lý ký danh bao gồm

- a) Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại khoản 49.1 Điều này đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư;
- b) Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại lý phân phối.

49.3. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:

- a) Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của Đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà đầu tư tại sổ phụ. Các Nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số Đơn vị Quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu Đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số Đơn vị Quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà đầu tư (nếu có);
- b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ độc lập với tài khoản ký danh;
- c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Nhà đầu tư;
- d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

Handwritten signature

ĐIỀU 50. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

- 50.1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
- 50.2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 50.3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 50.4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.
- 50.5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 50.6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí, giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

- 50.7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.
- 50.8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 51. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại khoản 28.4 Điều 28 Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn Công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- c) Là công ty kiểm toán nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 52. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

ĐIỀU 53. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Quỹ sẽ áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

ĐIỀU 54. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 54.1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- 54.2. Các báo cáo tài chính bán niên/ các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ 6 tháng và năm được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

ĐIỀU 55. BÁO CÁO KHÁC

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 56. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

- 56.1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của Quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- 56.2. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- 56.3. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với Sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
- 56.4. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào Ngày định giá và phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (của kỳ định giá ngày), một ngày được chọn cố định trong tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng).

Handwritten mark

56.5. Các quy định khác về xác định Giá trị tài sản ròng được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 57. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ

57.1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

57.2. Tổ chức cung cấp báo giá có thể bị thay đổi trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức cung cấp báo giá không có chức năng hoặc không được cấp phép cung cấp dịch vụ báo giá;
- b) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- c) Tổ chức cung cấp báo giá hoặc Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu chấm dứt dịch vụ báo giá;
- d) Bất kỳ sự thay đổi nào của cơ quan chức năng hoặc luật pháp liên quan đến tổ chức cung cấp báo giá.

ĐIỀU 58. NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

58.1. Nguyên tắc định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Phụ lục 4 Điều lệ này và chi tiết tại sổ tay định giá. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng.

58.2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến hết ngày gần nhất trước Ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định pháp luật trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ này, Sổ tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

58.3. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.

58.4. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý

Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng.

- 58.5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

ĐIỀU 59. ĐÈN BÙ THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ

- 59.1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên.
- 59.2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
- Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà đầu tư đã bán;
 - Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai.
- 59.3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
- Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 59.2 và điểm a khoản 59.3 Điều này, mọi chi phí đền bù cho Nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 59.2 và Điểm a khoản 59.3, chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ không phải đền bù cho những Nhà đầu tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)

nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác.

CHƯƠNG XII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 60. THU NHẬP CỦA QUỸ

Thu nhập của Quỹ gồm các khoản sau:

- Cổ tức;
- Lãi trái phiếu;
- Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi;
- Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- Các khoản thu nhập khác phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

ĐIỀU 61. GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ, GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ, GIÁM SÁT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

61.1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ

- a) Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ là $1,75\% \cdot \text{NAV} / \text{năm}$. Tổng giá trị của Giá dịch vụ quản lý Quỹ, Giá dịch vụ quản trị Quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng sẽ tuân thủ tỷ lệ tối đa theo quy định pháp luật hiện hành.

- b) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính giá dịch vụ X NAV tại Ngày định giá X số ngày thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ quản lý Quỹ trong tháng được xác định như sau:

61.2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

- a) Giá dịch vụ lưu ký và giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát được tính tại mỗi kỳ định giá dựa trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
- b) Giá dịch vụ lưu ký: $0,05\% \cdot \text{NAV} / \text{năm}$, min 15.000.000 đồng/tháng.
- c) Giá dịch vụ giám sát: $0,02\% \cdot \text{NAV} / \text{năm}$, min 10.000.000 đồng/tháng.
- d) Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và giám sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Handwritten signature

e) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [“Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng”] và [“Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)” x “NAV tại ngày trước Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”].

f) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.3. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

a) Giá dịch vụ quản trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

b) Giá dịch vụ quản trị Quỹ: 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 15.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

c) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [“Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng”] và [“Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)” x “NAV tại ngày trước Ngày Định Giá” x “số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm”].

d) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Đại lý chuyển nhượng của Quỹ.

b) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Giá dịch vụ hàng tháng: 10.000.000 VNĐ/ tháng, áp dụng đến hết ngày 30/06/2022 và 12.000.000 VNĐ/tháng áp dụng từ 01/07/2022.

- Giá dịch vụ giao dịch (nếu phát sinh) (đối với các lệnh mua, bán, chuyển đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản): 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch.

c) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

- Giá dịch vụ cố định cho kỳ định giá = Giá dịch vụ hàng tháng X số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của tháng.

- Giá dịch vụ giao dịch (nếu phát sinh) = 0,01% X giá trị giao dịch.

- Giá trị giao dịch = số lượng Chứng chỉ Quỹ giao dịch X NAV trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch.

(Các khoản giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ.

61.5. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán cho Quỹ;
- b) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác cho Quỹ;
- c) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;
- d) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- e) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- f) Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;
- g) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận;
- h) Chi về bảo hiểm (nếu có);
- i) Phí nộp cơ quan quản lý khi xin Giấy chứng nhận đăng ký chào bán lần đầu ra công chúng và Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ;
- j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
- l) Chi phí phát sinh từ việc thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc thay thế các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác.
- m) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 62: PHÂN CHIA LỢI TỨC CỦA QUỸ

- 62.1. Công ty Quản lý Quỹ có thể phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư bằng các phương thức đã đăng ký đến địa chỉ liên hệ và thư điện tử (email) đã đăng ký của Nhà đầu tư.
- 62.2. Việc chia lợi nhuận có thể thực hiện bằng tiền và/hoặc Chứng chỉ Quỹ nhưng phải bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

- b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận;
 - c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - e) Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng bảo đảm Giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- 62.3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- 62.4. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.
- 62.5. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XIII

TÀI CƠ CẤU VÀ GIẢI THỂ QUỸ

ĐIỀU 63. CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

- 63.1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- 63.2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

ĐIỀU 64. CÁC ĐIỀU KIỆN CHIA, TÁCH QUỸ

- 64.1. Điều kiện chia, tách Quỹ:
 - a) Được Đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách;
 - b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách đáp ứng các điều kiện của Luật Chứng khoán;
 - c) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi Ngân hàng giám sát;
 - d) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 67. CÔNG BỐ THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

- 67.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 67.2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản hoặc thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
- 67.3. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.
- 67.4. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 68. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

- 68.1. Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 68.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động, hạn mức và tài sản đầu tư của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

ĐIỀU 69. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ

- 69.1. Bản Điều lệ này bao gồm 15 Chương, 70 Điều và 04 Phụ lục, đã được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2023.
- 69.2. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ thì mới có giá trị.
- 69.3. Điều lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam, trong đó:
 - 01 bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Công ty Quản lý Quỹ.

- 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 70. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP

Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/10/2023.

Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP :

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí, giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Hiếu

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
(VIETCOMBANK)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/09/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Lưu ký Chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo các quy định của Pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
TRƯỞNG TRUNG TÂM



Võ Thị Thanh

**PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Công ty Quản lý Quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP

Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2014, và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/10/2023.

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/09/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Lưu ký Chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Hiếu

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
TRƯỞNG TRUNG TÂM



Võ Trí Thành

PHỤ LỤC 4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

A- Giá trị tài sản

Stt	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	- Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

Handwritten mark

		<ul style="list-style-type: none"> - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	v Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Chứng khoán phái sinh		
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận
Các tài sản khác		
15	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B- Giá trị cam kết

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:
 - a) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phát sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - b) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết



phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

c) Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

Stt	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng Giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

Chú thích:

¹ Nếu Quỹ nắm vị trí mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở.

Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1.

Trong trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

³ Nếu Quỹ nắm vị trí mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).